

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 165/2024/DSST
Ngày: 03/07/2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thống.

2. Ông Phan Văn Duy.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông** tham gia phiên
tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và ngày 03 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-DS ngày 03/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề 27/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày trình bày:

Tại địa phương, bà Nguyễn Thị T có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1964; địa chỉ: Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang) tổ chức như sau:

- *Dây hụi thứ nhất:* Hụi mở ngày 05/9/2022 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 1.000.000 đồng; tổ chức khai hụi vào ngày 5/9 (Âm lịch) hàng tháng; gồm 24 phần; bà T tham gia 03 phần và đóng được 10 kỳ thì bà T1 tuyên bố vỡ hụi. Cụ thể, mỗi phần hụi, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 01, 02, 03, 04: Bà T đóng mỗi kỳ là 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 05, 06: Bà T đóng mỗi kỳ là 820.000 đồng.

+ Kỳ thứ 07 đến kỳ thứ 10: Bà T đóng mỗi kỳ 850.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà T1 trả tiền hụi gốc và lãi hụi của 03 phần hụi mà bà T đã tham gia là 30.000.000 đồng.

- *Dây hụi thứ hai:* Hụi mở ngày 10/9/2021 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 1.000.000 đồng; tổ chức khai hụi vào ngày 10/9 (Âm lịch) hàng tháng; gồm 24 phần; bà T tham gia 02 phần và đóng được 22 kỳ thì bà T1 tuyên bố vỡ hụi. Cụ thể, mỗi phần hụi bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 01, 02, 03: Bà T đóng mỗi kỳ là 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 04 đến kỳ 09: Bà T đóng mỗi kỳ là 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 10, 11: Bà T đóng mỗi kỳ là 880.000 đồng.

+ Kỳ thứ 12 đến kỳ 22: Bà T đóng mỗi kỳ là 900.000 đồng.

Đối với 02 phần hụi bà T tham gia, bà T yêu bà T1 trả cho bà tiền hụi gốc đóng đã đóng và lãi là 44.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong dây hụi này, bà T có mua 02 phần hụi từ bà T1 với giá 35.800.000 đồng. Đối với 02 phần hụi mua này, bà T yêu cầu bà T1 phải trả lãi hụi và tiền gốc là 44.600.000 đồng

Trong dây hụi này, bà T chỉ yêu cầu bà T1 trả tiền hụi và lãi hụi tổng cộng của 04 phần hụi đã tham gia là 88.600.000 đồng.

- *Dây hụi thứ ba:* Hụi mở ngày 15/7/2021 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 1.000.000 đồng; tổ chức khai hụi vào ngày 15/7 (Âm lịch) hàng tháng; gồm 25 phần; bà T đóng đến mãn hụi. Tổng tiền hụi mà bà T được nhận là 24.000.000; trừ hoa hồng cho thảo hụi: 500.000 đồng; còn lại 23.500.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà T1 trả tiền hụi và lãi hụi là 23.500.000 đồng.

- *Dây hụi thứ tư:* Hụi mở ngày 20/3/2023 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 1.000.000 đồng; tổ chức khai hụi vào ngày 20/3 (Âm lịch) hàng tháng; gồm 24 phần; bà T tham gia 03 phần và đóng được 03 kỳ thì bà T1 tuyên bố vỡ hụi. Cụ thể, mỗi phần hụi, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 01: Bà T đóng 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 02: Bà T đóng 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 03: Bà T đóng 800.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà T chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền đã đóng là 7.200.000 đồng.

- *Dây hụi thứ năm*: Hụi mở ngày 06/02/2023 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 100.000 đồng; tổ chức khui hụi vào chủ nhật hàng tuần; gồm 43 phần; bà T tham gia 05 phần và đóng được 18 kỳ thì bà T1 tuyên bố vỡ hụi. Cụ thể, mỗi phần hụi, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 1: Bà T đóng 80.000 đồng.

+ Kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 14: Bà T đóng mỗi kỳ là 70.000 đồng.

+ Kỳ thứ 15 đến kỳ 18: Bà T đóng mỗi kỳ là 60.000 đồng.

Đối với 05 phần hụi bà T tham gia, bà T yêu bà T1 trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong dây hụi này, bà T có mua 10 phần hụi từ bà T1 với giá 33.600.000 đồng. Đối với 10 phần hụi mua này, bà T yêu cầu bà T1 phải trả lãi hụi và tiền gốc là 37.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà T1 trả tiền hụi và lãi hụi của 15 phần hụi đã tham gia là 42.000.000 đồng.

- *Dây hụi thứ sáu*: Hụi mở ngày 25/12/2022 (Âm lịch); hình thức: hụi tháng; loại hụi 500.000 đồng; tổ chức khui hụi vào ngày 25/12 (Âm lịch) hàng tháng; gồm 24 phần; bà T tham gia 01 phần và đóng được 07 kỳ thì bà T1 tuyên bố vỡ hụi. Cụ thể như sau:

+ Kỳ thứ 1: bà T đóng 400.000 đồng.

+ Kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 7: bà T đóng 420.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà T và bà T1 thống nhất, bà T1 có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi và lãi hụi và T1 còn nợ bà T là 194.300.000 đồng sau đó, bà T1 trả cho bà T số tiền 4.000.000 đồng.

Sau đó, bà T1 có trả thêm cho bà T 4.500.000 đồng nên hiện nay bà T1 còn nợ bà T là 185.800.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà T1 trả tiếp số tiền 185.800.000 đồng và yêu cầu trả làm một lần.

*** Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị T1 trình bày:**

- Trước đây, bà T có tổ chức chơi hụi tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang với mục đích là lấy tiền hoa hồng từ việc làm thảo hụi để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình; bà T1 tổ chức chơi hụi tại địa phương khoảng 20 năm.

Nay bà T1 thống nhất về thời gian mở hụi, loại hụi, số tiền của từng dây hụi và số tiền mà bà T đã đóng tại các dây hụi mở các ngày: 15/07/2021 (Âm lịch), 10/09/2021 (Âm lịch), 05/09/2022 (Âm lịch), 25/12/2022 (Âm lịch), 06/02/2023 (Âm lịch), 20/03/2023 (Âm lịch). Cụ thể như sau:

+ *Dây hụi thứ nhất:* Dây hụi mở ngày 05/9/2022 (Âm lịch) loại hụi tháng; mức hụi là 1.000.000 đồng; dây hụi gồm 24 phần, bà T tham gia 03 phần, bà T đóng hụi đầy đủ đến tháng 5/2023 thì bà T1 ngưng việc chơi hụi. Do lâu quá, bà T1 không nhớ bà T đã đóng hụi mỗi tháng bao nhiêu, nay T1 thống nhất với lời trình bày của bà T, mỗi phần hụi, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 1, 2, 3, 4: Bà T đóng mỗi kỳ là 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 5, 6: Bà T đóng mỗi kỳ là 820.000 đồng.

+ Kỳ thứ 7, 8, 9, 10: Bà T đóng mỗi kỳ là 850.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà T1 xin trả lại bà T số tiền 25.000.000 đồng; xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

+ *Dây hụi thứ hai:* Dây hụi mở ngày 10/9/2021 (Âm lịch) loại hụi tháng; mức hụi là 1.000.000 đồng; dây hụi gồm 24 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T đóng hụi đầy đủ đến tháng 5/2023 thì bà T1 ngưng việc chơi hụi. Do lâu quá, bà T1 không nhớ bà T đã đóng hụi mỗi tháng bao nhiêu, nay T1 thống nhất với lời trình bày của bà T, mỗi phần hụi, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 1, 2, 3, 4: Bà T đóng mỗi kỳ là 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 5: Bà T đóng 820.000 đồng.

+ Kỳ thứ 6, 7, 8, 9: Bà T đóng mỗi kỳ là 750.000 đồng.

+ Kỳ thứ 10, 11: Bà T đóng mỗi kỳ là 880.000 đồng.

+ Kỳ thứ 12 đến kỳ 22: Bà T đóng mỗi kỳ là 900.000 đồng.

Đối với 02 phần hụi này, bà T đóng tiền hụi sống cho bà T1 khoảng ba mươi mấy triệu nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu.

Ngoài ra, trong dây hụi này, bà T có mua 02 phần hụi từ bà T1 với giá 35.800.000 đồng.

Trong dây hụi này bà T xin trả lại số tiền hụi mà bà T đã đóng trước đây cho 4 phần hụi là 66.000.000 đồng; xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

+ *Dây hụi thứ ba:* Dây hụi mở ngày 15/7/2021 (Âm lịch) loại hụi tháng; mức hụi là 1.000.000 đồng; dây hụi gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T đóng hụi

đầy đủ đến tháng 15/5/2023 thì mãn hội. Trong dây hội này bà T1 đồng ý trả bà T số tiền 23.500.000 đồng.

+ *Dây hội thứ tư*: Dây hội mở ngày 20/3/2023 (Âm lịch) loại hội tháng; mức hội là 1.000.000 đồng; dây hội gồm 24 phần, bà T tham gia 03 phần, bà T đóng hội đầy đủ đến tháng 5/2023 thì bà T1 ngưng việc chơi hội. Do lâu quá, bà T1 không nhớ bà T đã đóng hội mỗi tháng bao nhiêu, nay T1 thống nhất với lời trình bày của bà T, mỗi phần hội, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 01: Bà T đóng 800.000 đồng.

+ Kỳ thứ 02: Bà T đóng 800.000 đồng.

+ Tháng 03: Bà T đóng 800.000 đồng.

Trong dây hội này bà T1 xin trả lại tiền hội mà bà T đã đóng trước đây là 7.200.000 đồng; xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

+ *Dây hội thứ năm*: Dây hội mở ngày 06/2/2023 (Âm lịch) loại hội tuần; mức hội là 100.000 đồng; dây hội gồm 43 phần, bà T tham gia 05 phần; khui hội vào chủ nhật hàng tuần; bà T đóng hội đầy đủ đến tháng 5/2023 thì bà T1 ngưng việc chơi hội. Do lâu quá, bà T1 không nhớ bà T đã đóng hội mỗi tháng bao nhiêu, nay T1 thống nhất với lời trình bày của bà T, mỗi phần hội, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 1: Bà T đóng 80.000 đồng.

+ Kỳ thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14: Bà T đóng mỗi kỳ là 70.000 đồng.

+ Kỳ thứ 15, 16, 17, 18: Bà T đóng mỗi kỳ là 60.000 đồng.

Ngoài ra, trong dây hội này, bà T có mua 10 phần hội từ bà T1 với giá 33.600.000 đồng

Nay trong dây hội này, bà T1 xin trả lại tiền hội của 15 phần hội (Trong có có 10 phần hội mua) mà bà T đã đóng trước đây là 38.000.000 đồng; xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

+ *Dây hội thứ sáu*: Dây hội mở ngày 25/12/2022 (Âm lịch) loại hội tháng; mức hội là 500.000 đồng; dây hội gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T đóng hội đầy đủ đến tháng 5/2023 thì bà T1 ngưng việc chơi hội. Do lâu quá, bà T1 không nhớ bà T đã đóng hội mỗi tháng bao nhiêu, nay T1 thống nhất với lời trình bày của bà T, bà T đã đóng như sau:

+ Kỳ thứ 1: bà T đóng 400.000 đồng.

+ Kỳ thứ 2 đến thứ 7: bà T đóng mỗi kỳ là 420.000 đồng.

Trong dây hội này bà T1 xin trả lại tiền hội mà bà T đã đóng trước đây là 2.800.000 đồng; xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

Từ khi tuyên bố bẻ hội, bà T1 đã trả cho bà T số tiền 8.500.000 đồng

Nay bà T1 xác định chỉ còn nợ bà T số tiền 159.000.000 đồng

Nay bà T1 xin trả dần số tiền nợ trên như sau: Một năm bà T1 sẽ trả bà T số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 159.000.000 đồng.

*** Theo bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên
Nguyễn Văn Ú trình bày:**

- Trước đây, bà T1 có tổ chức chơi hội tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang với mục đích là lấy tiền hoa hồng từ việc làm thảo hội để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình; bà T1 tổ chức chơi hội tại địa phương khoảng 20 năm.

Ông Ú có biết việc này nhưng ông Ú không có tham gia vào việc tổ chức chơi hội chung với bà T1.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông không đồng ý cùng bà T1 trả tiền hội còn nợ cho bà T do việc chơi hội là tự bà T1 chơi và gây ra nợ như hôm nay; bà T1 phải có trách nhiệm trả số nợ này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà T1 trả cho bà T số tiền 175.000.000 đồng. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua việc thẩm tra và nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định.

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Ú liên đới trả cho bà T số tiền còn thiếu theo hợp đồng góp hụi; hiện nay, bị đơn Nguyễn Thị T1 hiện cư trú tại ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang. Như vậy, vụ việc tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, các bên đều thừa nhận bà T1 có cho bà T tham gia các dây hụi mở ngày 15/07/2021 (Âm lịch), 10/09/2021 (Âm lịch), 05/09/2022 (Âm lịch), 25/12/2022 (Âm lịch), 06/02/2023 (Âm lịch), 20/03/2023 (Âm lịch) do bà T1 tổ chức nên giữa bà T và bà T1 có tồn tại quan hệ “Hợp đồng góp hụi”.

Trong quá trình giải quyết vụ án và qua các lần hòa giải, bà T yêu cầu bà T1, ông Ú liên đới trả bà T số tiền hụi còn nợ là 185.500.000 đồng; đồng thời, về phía bà T1, bà T1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 159.000.000 đồng do bà T1 chỉ đồng ý số tiền nợ hụi gốc mà bà T đã đóng trước đây; trong khi đó, ông Ú không đồng ý cùng bà T1 trả số tiền 159.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T và bà T1 đã thống nhất lại với nhau về số tiền còn nợ trong việc chơi hụi là 175.000.000 đồng, đồng thời, bà T cũng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T1 và ông Ú cùng trả 175.000.000 đồng. Xét việc thỏa thuận về số tiền nợ hụi là xuất phát từ ý chí tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận việc này.

Đối với việc ông Ú không đồng ý cùng bà T1 trả cho bà T số tiền 175.000.000 đồng: Ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã B chứng nhận theo giấy số 129/2004 ngày 15/07/2004; ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Ú và bà T1 đều thừa nhận: việc bà Thu n thu nhập từ việc chơi hụi (tiền hoa hồng cho thảo hụi từ các hụi viên khi hốt hụi) là dùng vào mục đích trang trải chi phí sinh hoạt hằng ngày, góp phần xây dựng

kinh tế gia đình; đồng thời, qua kết quả xác minh tại địa phương: thực tế có sự việc bà T1 tổ chức chơi hụi tại địa phương và thu nhập từ việc chơi hụi là nhằm trang trải chi phí sinh hoạt gia đình, góp phần xây dựng kinh tế gia đình.

- Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình quy định như sau:

“... Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...”

- Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định như sau:

“.... Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

....

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; ...”

Tuy ông Nguyễn Văn Ú không tham gia trực tiếp vào việc tổ chức các dây hụi cùng bà T1 nhưng thu nhập phát sinh từ việc tổ chức chơi hụi tại địa phương được bà T1 sử dụng vào việc trang trải các chi phí sinh hoạt hằng ngày của gia đình, phụ giúp phần nào vào kinh tế của gia đình. Ngoài ra, việc bà T1 tổ chức chơi hụi đã trên 20 năm, cho nên thu nhập từ việc tổ chức chơi hụi tại địa phương của bà góp phần không nhỏ vào việc trang trải các chi phí sinh hoạt hằng ngày, phụ giúp phần nào vào kinh tế của gia đình. Do đó, việc buộc ông Nguyễn Văn Ú cùng với bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả bà T số tiền 175.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

Về phương thức trả tiền: Tại phiên tòa, bà T1 xin bà T trả dần số tiền 175.000.000 đồng với phương thức trả mỗi năm 20.000.000 đồng đến khi hết số tiền 175.000.000 đồng; ông Ú cũng xin bà T cho bà T1 trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng đến khi hết số tiền 175.000.000 đồng; trong khi đó, bà T không đồng ý với yêu cầu này của bà T1 và ông Ú. Xét thấy, yêu cầu xin trả dần số nợ của bà T1 và ông Ú không được bà T đồng ý và việc xin trả dần này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà T1 và ông Ú.

[8] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Ú phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người có trách nhiệm chịu 4.375.000 đồng). Tuy nhiên, bà T1 trên 60

tuổi và bà có đơn xin được miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ liên đới chịu 4.375.000 (*Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6 Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Ú liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 175.000.000 (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T1 và ông N n Văn Út chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải ông Ú và bà T1 có nghĩa vụ liên đới chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ liên đới chịu 4.375.000 (*Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại bà Nguyễn Thị T 2.378.500 (*Hai triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm*) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013091 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh